

Số: 12 /BKS.

Hà nam, ngày 18 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể cổ đông!

- ❖ Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015).
- ❖ Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong bản điều lệ Công ty cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex.
- ❖ Căn cứ vào các Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020 của Tổng giám đốc Công ty.
- ❖ Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt.

Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019, Ban kiểm soát đã chú trọng đến những hoạt động kiểm tra kiểm soát trên một số lĩnh vực sau:

I. Đặc điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh:

Thuận lợi:

- Khách hàng ổn định, điều kiện nhà xưởng khang trang, thiết bị mới tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tăng năng suất.

Khó khăn:

- Lao động trong khu công nghiệp bị cạnh tranh nên phải tăng thu nhập mới giữ chân được lao động.
- Giá cả biến động nhất là hóa chất thuốc nhuộm.

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu(Theo nghị quyết ĐHCĐ):

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	NĂM 2019		TỶ LỆ SO SÁNH (%)	
				NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	NQ(KẾ HOẠCH)	CÙNG KỲ
1	Doanh thu	Tr.đồng	271,382	363,000	285,130	78.55	105.07
2	Kim ngạch XK	1000 \$	9,032	12,000	9,301	77.51	102.98
3	Sản lượng	Tấn	1,446	2,000	1,450	72.50	100.30
4	Thu nhập BQ/Ng/Tháng	1000 đ	8,460	8,000	9,060	113.25	107.09
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2,781	15,000	6,752	45.01	242.79
6	Cổ tức năm	%/VĐL	12	25	12	48.00	100.00

Qua bảng trên ta thấy chỉ tiêu thu nhập người lao động là vượt KH giao, còn các chỉ tiêu khác đạt tỷ lệ rất thấp so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm sản xuất được 1.450,46 tấn đạt 72,5% so với KH đề ra (1.450,46/2.000 tấn) và tăng 3% so với cùng kỳ(1.450,46/1.445,75).

Còn đối với sản phẩm SX được 10.845.068 sản phẩm đạt 79% so với KH năm 10.845.068 SP/13.736.580 SP và tăng 6,5% so với năm 2018(10.845.068 SP/ 10.182.265 SP). Trong đó

- + Khăn xuất khẩu: 9.583.509 SP, chiếm 88,36% tổng sản lượng sản xuất.
- + Khăn Nội địa: 1.261.559 SP, tương ứng 11,63% tổng sản lượng sản xuất.
- Doanh thu chỉ đạt 78,55% so với kế hoạch
- Số lượng container đã xuất 303 cont/410 cont đạt 74%

2. Tình hình thực hiện SXKD năm 2019:

* Công tác về quản lý chất lượng:

- Công ty quản lý chất lượng không tốt dẫn đến bị khách hàng phạt 294 tr đồng. Mặc dù giá trị bị khiếu nại của khách hàng đã giảm nhưng khách hàng còn chưa tin tưởng về chất lượng đi hàng nên ảnh hưởng đến KH đơn hàng.

* Công tác thị trường – Đơn hàng:

- Trong năm chỉ xuất khẩu sang nhật (khách hàng Nojima) chiếm 74,54% doanh thu của công ty, tỷ lệ này tương đương so với năm 2018. Công ty chưa tìm kiếm thêm được khách hàng XK nào, Do vậy bị phụ thuộc khi có vấn đề xảy ra. Công ty đang phát triển thị trường nội địa.

- Việc theo dõi đơn hàng được công ty chú trọng từ khi ký kết hợp đồng, theo dõi quá trình sản xuất và thanh quyết toán hợp đồng. Do vậy không xảy ra tranh chấp.

* Công tác quản trị sản xuất và định mức:

- Công ty đã kiểm soát quá trình sản xuất, tuy nhiên còn chỉ tiêu thuốc nhuộm, than, vượt định mức. Công ty cần quan tâm hơn nữa chất lượng đầu vào, kiểm soát tốt quá trình từ dệt -> tẩy nhuộm -> may đặc biệt công đoạn nhuộm và có biện pháp khống chế không vượt định mức giao thì cũng góp phần đáng kể tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

Chính vì quản lý định mức tiêu hao chưa theo kịp các đơn vị trong ngành dẫn đến giá thành cao, do vậy năng lực cạnh tranh thấp.

*** Công tác đầu tư – xây dựng:**

- Trong năm 2019 Công ty đầu tư mới một số hạng mục trị giá: 10.836 tr đồng Trong đó: Có 4 máy dệt khí trị giá 8.379 triệu đồng và xây nhà kho 1.800 triệu đồng.

*** Tình hình sử dụng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với NLĐ:**

- Lao động BQ năm 2019: 298 người(trong đó: Thời vụ 39 người), bằng 97% (298 ng/307 ng) so với KH 97% so với cùng kỳ 2018.

- Công ty tiếp tục sử dụng nguồn lao động đã nghỉ hưu trước tuổi nhưng có tay nghề cao tuyển dụng lại với hợp đồng ngắn hạn để bù đắp lao động thiếu hụt, giảm chi phí đào tạo. Công nhân mới tuyển đa phần là người đã biết việc, có kinh nghiệm. Ngoài ra, công ty thay đổi tổ chức theo hướng phân công kiêm việc chuyên môn, vì vậy tiết kiệm được định biên lao động mà vẫn đạt hiệu quả công việc.

- Thu nhập bình quân năm 2019: 9.060.000 đ/ người/ tháng tăng 13,25% so với KH năm (9.060.000đ/8.000.000 đ) và tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2018 (9.060.000đ/8.460.000đ).

- Với mức thu nhập ổn định, cao so với các doanh nghiệp tại Hà Nam, tay nghề công nhân được nâng cao, lao động tuyển mới phần lớn là biết việc, với thu nhập cao đã tạo được sự yên tâm làm việc cho người lao động gắn bó với công ty.

*** Giải quyết chế độ:**

- Trong năm công ty đã đóng BHXH đầy đủ, đúng quy định, Công ty đã thanh toán chế độ ốm đau thai sản cho người lao động đến hết tháng 11/2019.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động: Cung cấp đầy đủ trang thiết bị BHLĐ và bồi dưỡng độc hại theo đúng quy định của nhà nước và quy chế của công ty.

II. Tình hình tài chính:

Biểu 1:

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2019	01/01/2019	So sánh	
			Tuyệt đối	T/ đổi(%)
	1	2	3=1-2	4=1/2
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	231,688,638,024	227,795,112,326	3,893,525,698	101.71
Tài sản ngắn hạn	104,270,041,272	99,434,479,655	4,835,561,617	104.86
Tiền và các khoản đầu tư TC ngắn hạn	34,515,272,274	29,726,341,651	4,788,930,623	116.11
Các khoản phải thu ngắn hạn	13,480,644,439	10,865,892,104	2,614,752,335	124.06
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng</i>	<i>12,931,237,250</i>	<i>10,454,949,638</i>	<i>2,476,287,612</i>	123.69
Hàng tồn kho	48,755,575,659	47,008,297,998	1,747,277,661	103.72
Tài sản ngắn hạn khác	7,518,548,900	11,833,947,902	(4,315,399,002)	63.53
Tài sản dài hạn	127,418,596,752	128,360,632,671	(942,035,919)	99.27
Tài sản cố định	106,439,744,267	106,694,870,101	(255,125,834)	99.76
ĐTTTC dài hạn & Tài sản dài hạn khác	20,978,852,485	21,665,762,570	(686,910,085)	96.83
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	231,688,638,024	227,795,112,326	3,893,525,698	101.71
Nợ phải trả	126,713,013,239	125,209,131,676	1,503,881,563	101.20
Nợ ngắn hạn	83,561,368,892	73,365,148,005	10,196,220,887	113.90
<i>Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>46,830,213,007</i>	<i>42,783,510,438</i>	<i>4,046,702,569</i>	109.46
<i>Phải trả người bán</i>	<i>27,593,928,029</i>	<i>20,064,664,984</i>	<i>7,529,263,045</i>	137.52
Nợ dài hạn	43,151,644,347	51,843,983,671	(8,692,339,324)	83.23
Vốn chủ sở hữu	104,975,624,785	102,585,980,650	2,389,644,135	102.33
Vốn chủ sở hữu	104,975,624,785	102,585,980,650	2,389,644,135	102.33
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19,500,000,000	19,500,000,000	0	100.00
Quỹ đầu tư phát triển		8,000,000,000	(8,000,000,000)	-
Vốn khác của CSH	80,135,026,543	69,135,026,543	11,000,000,000	115.91
Lợi nhuận sau thuế chưa PP - Kỳ trước		3,893,851,278	(3,893,851,278)	-
- Kỳ này	5,340,598,242	2,057,102,829	3,283,495,413	259.62

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Biểu 2:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính : Đồng VN

TT	CHỈ TIÊU	2019	2018	So Sánh 2019/ 2018	
				TUYỆT ĐỐI	T.ĐỐI(%)
1	TỔNG DOANH THU	287,460,217,219	273,862,769,539	13,597,447,680	104.97
a	Doanh thu thuần b/hàng và CCDV	285,129,897,284	269,636,651,113	15,493,246,171	105.75
b	Doanh thu hoạt động tài chính	2,270,176,360	4,091,554,166	(1,821,377,806)	55.48
c	Thu nhập khác	60,143,575	134,564,260	(74,420,685)	
2	TỔNG CHI PHÍ	280,707,872,568	271,081,038,970	9,626,833,598	103.55
a	Giá vốn bán hàng	259,632,402,145	248,145,498,280	11,486,903,865	104.63
b	Chi phí tài chính	4,042,006,465	6,564,036,683	(2,522,030,218)	61.58
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3,809,919,285</i>	<i>4,126,183,077</i>	<i>(316,263,792)</i>	<i>92.34</i>
c	Chi phí bán hàng	7,777,279,960	7,717,709,133	59,570,827	100.77
d	Chi phí quản lý	8,944,794,938	8,276,877,774	667,917,164	108.07
e	Chi phí khác	311,389,060	376,917,100	(65,528,040)	82.61
3	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	6,752,344,651	2,781,730,569	3,970,614,082	242.74
a	SXKD chính	7,003,590,136	3,024,083,409	3,979,506,727	231.59
b	Lợi nhuận khác	(251,245,485)	(242,352,840)	(8,892,645)	
4	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2,057,102,829	2,057,102,829	-	100.00
5	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	2,739	742	-	369.14

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Nhận xét:

• Tổng tài sản:

- Tổng tài sản 231.688 tr đồng trong đó
- + Tài sản ngắn hạn 104.270 tr đồng;
- + Tài sản dài hạn 127.419 tr đồng;
- + Nợ phải trả 126.713 tr đồng;
- + Vốn chủ sở hữu 104.976 tr đồng.

• Tình hình công nợ:

- Nợ phải thu ngắn hạn 13.481 tr đồng tăng 2.615 tr đồng so với đầu năm, tương ứng tăng 24,06% trong đó chủ yếu nợ phải thu khách
- + Nợ phải thu khách hàng : 12.931 tr đồng tăng 2.476 triệu đồng hay tăng 23,69% so với đầu năm. Một số khách có công nợ lớn

* Công ty TNHH Hợp Thành: 5.064 tr đồng -> Chiếm 39,2% trong tổng công nợ phải thu.

* Công ty TNHH S'BABY Việt Nam: 3.525 tr đồng -> Chiếm 27,26% trong tổng công nợ phải thu.

* Khách Nojima nợ: 1.761 tr đồng -> Chiếm 13,61% trong tổng công nợ phải thu.

* Các khoản phải thu khách hàng khác: 2.581 tr đồng.

+ Nợ phải trả khách hàng: 27.594 tr đồng tăng 7.529 tr đồng tăng 37,52% so với đầu năm. Công ty nợ một số khách hàng chủ yếu như:

* Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh : 8.167 tr đồng -> Chiếm 29,6% trong tổng công nợ phải trả.

* Công ty TNHH Hợp Thành : 5.856 tr đồng -> Chiếm 21,25% trong tổng công nợ phải trả.

* Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội : 3.517 tr đồng -> Chiếm 12,75% trong tổng công nợ phải trả.

- So sánh giữa Công nợ phải thu và công nợ phải trả của khách hàng, công nợ phải trả gấp 2,13 lần công nợ phải thu -> Cho thấy công ty đang chiếm dụng vốn của khách hàng.

• Hàng hóa tồn kho:

- Đến 31/12/2019 tồn 48.756 tr.đồng tăng 1.747 tr đồng hay tăng 3,72% so với cùng kỳ. Hàng tồn kho chiếm 21% tổng tài sản, tồn chủ yếu là SPDD và tồn nguyên liệu. Trong đó:

+ Tồn nguyên vật liệu: 23.982 tr đồng.

+ Tồn thành phẩm: 6.280 tr đồng.

+ Tồn sản phẩm dở dang: 18.508 tr đồng.

- Số ngày tồn kho bình quân 66 ngày -> Số ngày tồn kho cao hơn 02 tháng, do đó ảnh hưởng đến nguồn vốn lưu động và tăng chi phí lãi vay.

• Tài sản cố định

Tài sản cố định tại thời điểm cuối năm 106.440 tr đồng ;

Tài sản cố định được trích khấu hao theo đúng quy định. Công ty đang trích mức trên min.

Tổng số trích khấu hao năm 2019 tại công ty: 11.091 tr.đồng.

- **Nợ phải trả và khả năng trả nợ:**

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2019: 126.713 tr.đồng tăng so với đầu năm 1.503 tr.đồng. Trong đó:

- ✓ Phải trả người bán 27.594 tr.đồng.
- ✓ Vay ngắn hạn 46.830 tr.đồng
- ✓ Vay dài hạn 43.152 tr.đồng .

Công ty đảm bảo khả năng trả nợ đúng thời hạn.

- **Về sản lượng:**

Sản lượng SX 1.450,46 tấn đạt 72,5% (1.450,46 tấn/ 2.000 tấn); về sản phẩm ~ 10.845.068 chiếc, đạt 79% KH năm.

- **Về doanh thu:**

Doanh thu thuần hàng hóa dịch vụ 285.130 tr.đồng bằng 78,55% (285.130 tr/363.000 tr) so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra, bằng 105,07% so với cùng kỳ năm trước (285.130/271.382 tr.đ).

Doanh thu tài chính: 2.270 tr.đồng: Trong đó:

+ Doanh thu lãi tiền gửi: 1.849 tr.đồng

+ Doanh thu do lãi chênh lệch tỷ giá: 421 tr.đồng: Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm 75,61% / Tổng doanh thu do vậy Công ty có nguồn USD -> Lợi thế khi vay ngắn hạn bằng USD và NHNN tăng tỷ giá.

- **Về chi phí:**

- Giá vốn 259.632 tr.đồng chiếm 91,54% (259.632 tr.đồng/ 285.130 tr.đồng) trong tổng chi phí và chiếm 91,06% doanh thu.

- Chi phí tài chính 4.042 tr.đồng giảm 2.522 tr.đồng so với cùng kỳ. Chi phí tài chính chiếm 1,44% trong tổng chi phí và chiếm 1,42% doanh thu.

- Chi phí bán hàng: 7.777 tr.đồng tương đương so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng chiếm 2,77% trong tổng chi phí và chiếm 2,73% tổng doanh thu.

- Chi phí quản lý: 8.945 tr.đồng tăng so với cùng kỳ 668 tr.đồng hay giảm 8,07% . Chi phí quản lý chiếm 3,19% trong tổng chi phí và chiếm 3,14% tổng doanh thu.

• **Lợi nhuận:**

Năm 2019 lợi nhuận trước thuế Cty đạt: 6.752 tr đồng đạt 45% kế hoạch ĐH ĐCD đề ra (6.752 tr/15.000 tr).

Kết quả SXKD được thể hiện qua các chỉ tiêu chính sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2018	Xu hướng
Khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.25	1.36	↓
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.7	0.7	
Chỉ số hoạt động					
3	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	66	58	↑
4	Ngày thu tiền bình quân	Ngày	15	11	↑
5	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2.8	2.6	↑
Kết cấu nguồn vốn					
6	Hệ số nợ /Tổng tài sản	Lần	0.55	0.57	↓
7	Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	1.2	1.3	↓
Kết cấu chi phí					
8	Giá vốn bán hàng/Doanh thu thuần	%	91.1	92.0	↓
9	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	2.7	2.9	↓
10	Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	%	3.1	3.1	
11	Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	1.4	2.4	↓
Hiệu quả hoạt động					
12	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.2	1.2	
13	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.9	0.8	↑
14	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	2.3	0.9	↑
15	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(ROE)	%	5.1	2.0	↑

III/ Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

3.1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đến nay HĐQT luôn duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất, nhằm giải quyết và chỉ đạo kịp thời cho hoạt động của Công ty trước những biến động của tình hình kinh tế xã hội trong nước cũng như trên thế giới.

- *Nội dung các cuộc họp:* Trong các cuộc họp, HĐQT đều đưa ra Nghị quyết để chỉ đạo và đưa ra các chủ trương phù hợp với tình hình SXKD từng giai đoạn.

- *Đánh giá các hoạt động:* HĐQT luôn bám sát, xem xét đánh giá tình hình SXKD, tình hình tài chính của Công ty, qua đó đưa ra các chỉ đạo nhằm tăng cường tính chủ

động trong khai thác thị trường, tập trung các giải pháp tiết kiệm, giải pháp về điều hành sản xuất, các giải pháp tài chính, chủ trương đầu tư ... Tiếp tục phát huy các thế mạnh, các ưu điểm trong công tác quản trị sản xuất, tháo gỡ những khó khăn để đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả SXKD.

3.2. Về quản lý, điều hành của Cơ quan Tổng giám đốc:

- *Hoạt động của Cơ quan Tổng giám đốc* : Chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng phối hợp và thực hiện tốt công tác quản trị SXKD. Thường xuyên cải tiến áp dụng các mô hình quản trị phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty theo Nghị quyết HĐQT.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát :

- BKS Thực hiện kiểm soát về chiến lược, mọi hoạt động SXKD và xem xét báo cáo tài chính của phòng KTTC cung cấp, và báo cáo của Công ty kiểm toán. Thực hiện báo cáo định kỳ, và tham gia các cuộc họp do HĐQT triệu tập.

- Trong quá trình làm việc, BKS luôn được HĐQT, Cơ quan điều hành và các đơn vị bộ phận tạo mọi điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ các hồ sơ số liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông.

Xin kính chúc sức khỏe quý vị đại biểu, quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông
- HĐQT Công ty
- Lưu BKS

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Thu Hương

